

NURSING STUDENTS' SATISFACTION ON CLINICAL LEARNING ENVIRONMENT AT NGUYEN TAT THANH UNIVERSITY

Vu Thi Xim^{1*}, Nguyen Thi Anh²

¹Nguyen Tat Thanh University

²Eastern International University

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	16/8/2023	The purpose of the study was to use the CLES+T scale to assess the satisfaction of the clinical learning environment of nursing students at Nguyen Tat Thanh University. The study used a descriptive cross-sectional method among 200 nursing students from March to June in 2023. The study results showed that the mean score of CLES+T was 3.78, in which the mean of Pedagogical atmosphere (Mean=3.77); Leadership style of the ward manage (Mean=3.65); Nursing care of the ward (Mean=3.95); Content of the supervisory relationship (Mean=3.74); Role of the nurse teacher (Mean=3.78). Overall, Nursing students had a high level of satisfaction on nursing care of the ward as well as satisfaction with the support and evaluation of the supervisor and nurse teacher. However, students face communication and psychological barriers during practice in the clinical department. The study also noted that the characteristics of the clinical practice department had an impact on student satisfaction, but it was not affected by factors such as gender, age, years of study and previous practice experience.
Revised:	26/9/2023	
Published:	26/9/2023	
KEYWORDS		
Nursing students		
Clinical environment		
Satisfaction		
Clinical practice		
CLES+T scale		

HÀI LÒNG CỦA SINH VIÊN ĐIỀU DƯỠNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH VỀ MÔI TRƯỜNG HỌC LÂM SÀNG

Vũ Thị Xim^{1*}, Nguyễn Thị Anh²

¹Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

²Trường Đại học Quốc Tế Miền Đông

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	16/8/2023	Mục tiêu nghiên cứu sử dụng thang đo CLES+T nhằm đánh giá sự hài lòng về môi trường học tập lâm sàng của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành. Nghiên cứu sử dụng phương pháp cắt ngang mô tả, khảo sát 200 sinh viên điều dưỡng tháng 03/2023 đến tháng 06/2023. Kết quả nghiên cứu ghi nhận điểm trung bình hài lòng về môi trường học tập của sinh viên điều dưỡng là 3,78. Trong đó hài lòng về môi trường sự phạm lâm sàng (3,77); về phong cách lãnh đạo quản lý khoa (3,65); về công tác chăm sóc điều dưỡng tại khoa (3,95); về mối quan hệ hướng dẫn (3,74); về vai trò của giáo viên lâm sàng (3,78). Nhìn chung sinh viên có mức hài lòng cao về công tác chăm sóc tại khoa lâm sàng cũng như hài lòng về sự hỗ trợ, đánh giá của người hướng dẫn và giảng viên lâm sàng. Tuy nhiên, sinh viên gặp các rào cản về giao tiếp và tâm lý trong quá trình thực hành tại khoa lâm sàng. Nghiên cứu cũng ghi nhận đặc điểm của khoa phòng thực hành lâm sàng có tác động đến sự hài lòng của sinh viên tuy nhiên không bị tác động bởi các yếu tố giới tính, độ tuổi, năm học và kinh nghiệm thực hành trước đó.
Ngày hoàn thiện:	26/9/2023	
Ngày đăng:	26/9/2023	
TỪ KHÓA		
Sinh viên điều dưỡng		
Môi trường lâm sàng		
Sự hài lòng		
Thực hành lâm sàng		
Thang đo CLES+T		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.8557>

* Corresponding author. Email: vtxim@ntt.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Hiện nay cùng với sự phát triển của xã hội, nhu cầu chăm sóc sức khỏe cũng được quan tâm và chú trọng. Cùng với việc mở rộng các cơ sở y tế, vấn đề đảm bảo nguồn nhân lực y tế là hết sức cần thiết. Để đáp ứng nhu cầu xã hội, hiện nay có nhiều trường đại học có đào tạo lĩnh vực khoa học sức khỏe. Sinh viên khối ngành chăm sóc sức khỏe được trang bị khá đầy đủ về kiến thức, kỹ năng và thái độ nhưng năng lực hành nghề sau khi tốt nghiệp vẫn có sự chênh lệch nhiều giữa lý thuyết và thực hành [1].

Nhằm thu nhỏ khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn đồng thời đào tạo nhân lực y tế có năng lực thực hành lâm sàng đáp ứng với nhu cầu đơn vị sử dụng, các chương trình đào tạo các ngành chăm sóc sức khỏe được xây dựng kết hợp lý thuyết qua các bài giảng để xây dựng kiến thức nền tảng, việc thực hành tại phòng thực hành, bệnh viện luôn quan trọng trong quá trình đào tạo [2], [3]. Thực hành lâm sàng cung cấp cho sinh viên cơ hội nhận định và chăm sóc trực tiếp trên người bệnh, tương tác với gia đình người bệnh và nhân viên y tế [4], [5]. Ngoài ra, môi trường học lâm sàng (MTHLS) là công cụ đặc lực giúp sinh viên phát triển năng lực, cách tiếp cận mạnh mẽ để giải quyết vấn đề [1], [6]. Hiện nay, sinh viên điều dưỡng các trường đại học Việt Nam cũng như các nước trên thế giới được chú trọng thực hành lâm sàng trong quá trình đào tạo [7], [8].

Tuy nhiên, MTHLS thực tế ở Việt Nam vẫn còn nhiều bất cập, nhiều nơi thiếu cơ sở thực tập, chất lượng hướng dẫn lâm sàng, quá tải công việc của nhân viên bệnh viện [9]. Nhằm đánh giá sự hài lòng của sinh viên Điều dưỡng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành (NTTU) trong quá trình học lâm sàng từ đó có kế hoạch cải thiện thúc đẩy việc học tập lâm sàng hiệu quả hơn, chúng tôi tiến hành nghiên cứu sự hài lòng của sinh viên điều dưỡng về môi trường học lâm sàng với 2 mục tiêu:

1. *Đánh giá sự hài lòng của sinh viên điều dưỡng về môi trường học lâm sàng trong quá trình học tập.*

2. *Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng về môi trường học tập của sinh viên trong quá trình học tập lâm sàng.*

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

- *Đối tượng khảo sát:* 200 sinh viên điều dưỡng đang theo học tại NTTU
- *Thời gian nghiên cứu:* Nghiên cứu này được thực hiện từ tháng 03/2023 đến tháng 06/2023
- *Cỡ mẫu:* Áp dụng công thức tính mẫu Yamamne:

$$n = \frac{N}{1 + N * (e)^2}$$

Trong đó: n: dân số nghiên cứu
N: quy mô dân số ban đầu 400
e : sai số (0,05)

Áp dụng công thức, số sinh viên điều dưỡng cần tham gia vào nghiên cứu là 200 sinh viên.

2.1.1. Tiêu chuẩn chọn mẫu

Sinh viên điều dưỡng đang theo học tại NTTU đã thực hành lâm sàng tại các cơ sở y tế.

2.1.2. Tiêu chuẩn loại trừ

Sinh viên điều dưỡng tại NTTU chưa thực hành lâm sàng tại cơ sở y tế.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. *Thiết kế nghiên cứu:* Cắt ngang mô tả.

2.2.2. *Công cụ nghiên cứu*

Công cụ sử dụng thu thập số liệu là bảng câu hỏi gồm 2 phần:

- Phần I: Thu thập thông tin cá nhân đối tượng nghiên cứu bao gồm: Tuổi, giới tính, khóa học, khoa thực hành lâm sàng được đánh giá, số lần đã đi thực hành lâm sàng.

- Phần II: Bảng câu hỏi CLES+T bao gồm 37 câu hỏi Likert 5 mức độ thuộc 5 lĩnh vực: hài lòng của sinh viên đối với môi trường sư phạm lâm sàng (9 câu), đối với phong cách lãnh đạo của quản lý khoa (4 câu hỏi), đối với công tác chăm sóc điều dưỡng (4 câu), đối với mối quan hệ hướng dẫn (11 câu), đối với vai trò của giảng viên lâm sàng (9 câu) [8].

2.2.3. Phương pháp thu thập dữ liệu

Sinh viên điều dưỡng đủ điều kiện tham gia nghiên cứu được gửi thư mời và bộ câu hỏi khảo sát. Sau khi đọc thư mời, những điều dưỡng tự nguyện chấp nhận tham gia ký tên vào bản chấp thuận tham gia nghiên cứu, sau đó sẽ trả lời bộ câu hỏi khảo sát.

2.2.4. Phân tích số liệu

Số liệu được thu thập và xử lý bằng phần mềm SPSS 25.0. Các đặc điểm nhân khẩu học của đối tượng nghiên cứu được thể hiện bằng tần số và tỷ lệ phần trăm và mức độ hài lòng về môi trường học lâm sàng được biểu hiện bằng trung bình và độ lệch chuẩn. Kiểm định One – way Anova với độ tin cậy 95% được sử dụng để xác định các yếu tố ảnh hưởng sự hài của đối tượng nghiên cứu về môi trường học tập lâm sàng.

2.2.5. Vấn đề đạo đức nghiên cứu

Những quy định về đạo đức trong nghiên cứu đã được thực hiện nghiêm túc trong suốt quá trình nghiên cứu. Những điều dưỡng đủ điều kiện tự nguyện tham gia nghiên cứu ký vào phiếu chấp thuận tham gia nghiên cứu. Thông tin của người tham gia nghiên cứu được giữ bí mật, chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu.

3. Kết quả nghiên cứu

Sau khi thu thập số liệu 200 sinh viên điều dưỡng viên tự nguyện tham gia vào nghiên cứu, dựa vào các kết quả đã thu thập được, nhóm nghiên cứu xử lý số liệu và cho kết quả sau:

3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu được trình bày trong Bảng 1.

Bảng 1. Đặc điểm đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm	Tần số	Tỷ lệ (%)
Khoa/ Đơn vị	Nội	83
	Ngoại	93
	Hội sức cấp cứu	24
Giới tính	Nam	31
	Nữ	169
Tuổi	24	4
	23	21
	22	68
	21	107
Khóa học	Năm 3	116
	Năm 4	84
Bạn đã thực tập khoa này chưa?	Chưa	188
	Rồi	12
Số khoa lâm sàng đã thực tập trước đó	1 khoa	71
	2-5 khoa	47
	>5 khoa	118

Bảng 1 cho thấy độ tuổi sinh viên tham gia nghiên cứu từ 21 đến 24 tuổi, phần lớn sinh viên điều dưỡng là nữ chiếm 84,5% và 58% là sinh viên điều dưỡng năm 3, 94% sinh viên điều dưỡng

thực tập tại các khoa lâm sàng là lần đầu tiên và gần 2/3 sinh viên điều dưỡng tham gia nghiên cứu đã thực tập ít nhất tại 2 khoa lâm sàng trở lên. Phần lớn sinh viên điều dưỡng thực tập tại khoa lâm sàng nội khoa và ngoại khoa.

3.2. Mức độ hài lòng về môi trường học tập lâm sàng của đối tượng tham gia nghiên cứu

Mức độ hài lòng của sinh viên điều dưỡng về 5 lĩnh vực trong môi trường học lâm sàng được trình bày trong Bảng 2.

Bảng 2. Sự hài lòng của sinh viên điều dưỡng về 5 lĩnh vực trong môi trường học lâm sàng

STT	Nội dung	Giá trị trung bình $\pm$ Độ lệch chuẩn (TB $\pm$ DLC)
1	Môi trường sư phạm lâm sàng	3,77 $\pm$ 0,89
2	Phong cách lãnh đạo của quản lý khoa	3,65 $\pm$ 0,99
3	Công tác chăm sóc điều dưỡng	3,95 $\pm$ 0,71
4	Mối quan hệ hướng dẫn	3,81 $\pm$ 0,87
5	Vai trò của giảng viên lâm sàng	3,74 $\pm$ 0,9
6	CLES+T	3,78 $\pm$ 0,77

Bảng 2 cho thấy cho thấy sinh viên hài lòng về môi trường học tập với điểm trung bình 3,878 trong đó sinh viên hài lòng nhất khía cạnh công tác chăm sóc điều dưỡng tại khoa với điểm trung bình 3,95 và ít hài lòng nhất về phong cách lãnh đạo của quản lý khoa tại các đơn vị thực tập lâm sàng (TB=3,65). Nhìn chung mức độ hài lòng của sinh viên về các khía cạnh của môi trường học tập lâm sàng đạt mức độ khá với điểm số trung bình từ 3,65 đến 3,95.

3.2.1. Môi trường sư phạm lâm sàng

Mức độ hài lòng của sinh viên điều dưỡng về môi trường sư phạm lâm sàng được trình bày trong Bảng 3.

Bảng 3. Hài lòng của sinh viên về môi trường sư phạm lâm sàng

STT	Nội dung	TB $\pm$ DLC
B1	Nhân viên thân thiện dễ tiếp cận	3,79 $\pm$ 1,07
B2	Thoải mái khi bước vào khoa thực tập	3,57 $\pm$ 1,21
B3	Dễ dàng đặt câu hỏi với người hướng dẫn	3,77 $\pm$ 1,07
B4	Có không khí vui vẻ trong khoa phòng	3,65 $\pm$ 1,04
B5	Nhân viên thích tham gia hướng dẫn sinh viên	3,65 $\pm$ 1,06
B6	Nhân viên nhớ tên sinh viên	3,67 $\pm$ 1,03
B7	Tại khoa có nhiều tình huống thực hành	4,08 $\pm$ 0,78
B8	Những kỹ thuật thực hành đa dạng, phong phú	3,92 $\pm$ 0,87
B9	Khoa phòng là môi trường học lâm sàng tốt	3,83 $\pm$ 0,96

Bảng 3 cho thấy sinh viên rất hài lòng về số lượng tình huống thực hành tại khoa lâm sàng (TB=4,08) cũng như sự đa dạng trong những kỹ thuật sinh viên được thực hành (TB=3,92). Phần lớn sinh viên chưa thật sự cảm thấy thoải mái khi bước vào khoa thực tập (TB=3,57).

3.2.2. Phong cách lãnh đạo của quản lý khoa

Mức độ hài lòng của sinh viên điều dưỡng về phong cách lãnh đạo của quản lý khoa được trình bày trong Bảng 4.

Bảng 4. Hài lòng của sinh viên về phong cách lãnh đạo của quản lý khoa

STT	Nội dung	TB $\pm$ DLC
C1	Điều dưỡng trưởng lắng nghe ý kiến nhân viên	3,73 $\pm$ 1,10
C2	Điều dưỡng trưởng tham gia hướng dẫn lâm sàng cho sinh viên	3,29 $\pm$ 1,22
C3	Sinh viên học từ những ý kiến, nhận xét của điều dưỡng trưởng	3,61 $\pm$ 1,18
C4	Điều dưỡng trưởng có phân công nhân viên hướng dẫn sinh viên thực hành	3,96 $\pm$ 0,96

Bảng 4 cho thấy sinh viên có sự đồng tình cao nhất về việc điều dưỡng trưởng có phân công rõ ràng nhân viên hướng dẫn sinh viên thực hành (TB=3,96). Trong khi đó ít sinh viên có ý kiến cho rằng điều dưỡng trưởng tham gia hướng dẫn lâm sàng cho sinh viên (TB=3,29).

3.2.3. Công tác chăm sóc điều dưỡng

Mức độ hài lòng của sinh viên điều dưỡng về công tác chăm sóc điều dưỡng tại lâm sàng được trình bày trong Bảng 5.

Bảng 5. *Hài lòng của sinh viên về công tác chăm sóc điều dưỡng tại khoa lâm sàng*

STT	Nội dung	TB ± DLC
D1	Tại khoa có khẩu hiệu trong chăm sóc người bệnh	3,88 ± 0,84
D2	Người bệnh nhận được sự chăm sóc điều dưỡng tốt	3,98 ± 0,79
D3	Nhân viên ít gây sai sót khi cung cấp thông tin cho người bệnh	4,04 ± 0,74
D4	Hồ sơ ghi chú của điều dưỡng thì rõ ràng	3,89 ± 0,92

Bảng 5 cho thấy sinh viên rất hài lòng về công tác chăm sóc điều dưỡng tại khoa lâm sàng với giá trị trung bình từ 3,88 đến 4,04. Sinh viên rất đồng ý rằng nhân viên ít gây sai sót chuyên môn trong chăm sóc người bệnh (TB=4,04) cũng như người bệnh nhận được sự chăm sóc điều dưỡng rất tốt (TB=3,98).

3.2.4. Mối quan hệ hướng dẫn

Mức độ hài lòng của sinh viên điều dưỡng về mối quan hệ hướng dẫn tại lâm sàng được trình bày trong Bảng 6.

Bảng 6. *Hài lòng của sinh viên về mối quan hệ hướng dẫn*

STT	Nội dung	TB ± DLC
E1	Người hướng dẫn tôi có thái độ tích cực đối với việc hướng dẫn	3,83 ± 1,09
E2	Tôi đã nhận được sự hướng dẫn cho cá nhân tôi	3,89 ± 0,96
E3	Tôi đã nhận được sự phản hồi thường xuyên từ người hướng dẫn	3,77 ± 1,00
E4	Người hướng dẫn tích cực hướng dẫn	3,83 ± 0,99
E5	Người hướng dẫn cho nhận xét sau khi thực hiện kỹ thuật	3,90 ± 0,95
E6	Người hướng dẫn rất mong muốn sinh viên hỏi	3,71 ± 0,97
E7	Người hướng dẫn có lắng nghe thông tin từ sinh viên	3,84 ± 0,99
E8	Ít có sự bất đồng ý kiến giữa người hướng dẫn và sinh viên	3,73 ± 0,99
E9	Tôi cảm thấy tôi đã được sự hướng dẫn cá nhân	3,77 ± 0,99
E10	Tôi và người hướng dẫn tin tưởng lẫn nhau	3,85 ± 0,88
E11	Tôi hài lòng với sự hướng dẫn mà tôi nhận được	3,81 ± 0,98

Bảng 6 cho thấy sinh viên rất đồng tình rằng họ được hướng hướng dẫn và cho nhận xét sau mỗi khi thực hiện kỹ thuật bởi người hướng dẫn (TB=3,90). Sinh viên không đồng tình rằng ít có sự bất đồng ý kiến giữa người hướng dẫn và sinh viên (TB=3,73).

3.2.5. Vai trò của giảng viên lâm sàng

Mức độ hài lòng của sinh viên điều dưỡng về mối quan hệ hướng dẫn tại môi trường học tập lâm sàng được trình bày trong Bảng 7.

Bảng 7. *Hài lòng của sinh viên về vai trò của giảng viên lâm sàng*

STT	Nội dung	TB ± DLC
F1	Giáo viên có kết hợp dạy lý thuyết và thực hành	3,79 ± 0,95
F2	Giáo viên giúp tôi đạt được chỉ tiêu thực hành	3,79 ± 0,98
F3	Giáo viên giúp giảm lỗ hổng giữa lý thuyết và thực hành	3,81 ± 0,95
F4	Giáo viên hòa đồng với nhân viên tại khoa	3,87 ± 0,87
F5	Giáo viên hướng dẫn nhân viên cách phân công, đánh giá sinh viên	3,75 ± 0,99
F6	Giáo viên và nhân viên cùng làm việc với nhau để hỗ trợ việc học của tôi	3,62 ± 1,10
F7	Ngoài giờ thực hành, tôi, nhân viên và giáo viên trao đổi thông tin rất thoải mái	3,61 ± 1,04
F8	Trong những lúc nói chuyện với giáo viên và nhân viên bệnh viện ngoài giờ thực hành, tôi có cảm giác chúng tôi là đồng nghiệp	3,62 ± 1,01
F9	Những lúc nói chuyện với nhân viên và giảng viên, tôi học được những kiến thức chuyên môn và quy tắc ứng xử	3,78 ± 0,94

Bảng 7 cho thấy sinh viên cảm thấy ít thoải mái khi trao đổi thông tin với giảng viên hướng dẫn lâm sàng (TB=3,61). Tuy nhiên sinh viên rất đồng ý rằng giảng viên giúp giảm lo lắng giữa lý thuyết và thực hành (TB=3,81) và rất hòa đồng với nhân viên tại khoa lâm sàng (TB=3,87).

3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng về môi trường học tập lâm sàng của đối tượng tham gia nghiên cứu

Sự liên quan giữa đặc điểm của đối tượng nghiên cứu và mức độ hài lòng về môi trường học tập lâm sàng được trình bày ở Bảng 8.

Bảng 8. Yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng về môi trường học tập lâm sàng của sinh viên

	Đặc điểm	TB ± DLC	F	Giá trị P
Khoa/ Đơn vị	Ngoại	3,97 ± 0,78	7,46	0,001*
	Hồi sức cấp cứu	3,88 ± 0,59		
	Nội	3,54 ± 0,72		
Giới tính	Nam	3,91 ± 0,89	0,75	0,39
	Nữ	3,76 ± 0,74		
Tuổi	24	2,94 ± 1,33	0,67	0,59
	23	3,70 ± 0,82		
	22	3,85 ± 0,83		
	21	3,79 ± 0,67		
Khóa học	Năm 3	3,78 ± 0,74	0,005	0,942
	Năm 4	3,79 ± 0,80		
Bạn đã thực tập khoa này chưa?	Chưa	3,77 ± 0,76	1,81	0,202
	Rồi	4,07 ± 0,76		
Số khoa lâm sàng đã thực tập trước đó	1 khoa	3,81 ± 0,66	0,42	0,661
	2-5 khoa	3,66 ± 0,93		
	>5 khoa	3,86 ± 0,76		

*Phép kiểm Anova với p có ý nghĩa thống kê < 0,05

Bảng 8 cho thấy khoa thực tập lâm sàng có ảnh hưởng đến mức độ hài lòng về môi trường học tập lâm sàng của sinh viên. Cụ thể sinh viên thực tập ở khoa Ngoại trung bình mức độ hài lòng cao hơn sinh viên thực tập khoa Hồi sức cấp cứu, Nội và sự khác biệt có ý nghĩa thống kê p=0,001. Tuy nhiên, các yếu tố như giới tính, tuổi tác, khóa học, kinh nghiệm thực tập lâm sàng trước đó không ảnh hưởng đến mức độ hài lòng về môi trường học tập lâm sàng.

4. Bàn luận

4.1. Mức độ hài lòng về môi trường học tập của sinh viên điều dưỡng

Kết quả nghiên cứu ghi nhận điểm trung bình hài lòng về môi trường học tập lâm sàng của sinh viên là 3,78 (± 0,77). Trong đó sinh viên rất hài lòng về công tác chăm sóc điều dưỡng tại khoa lâm sàng 3,95 (± 0,71) và về mối quan hệ với người hướng dẫn được hỗ trợ trong quá trình thực tập lâm sàng 3,81 (± 0,87). Kết quả này tương đồng với nghiên cứu trước đó tại Bạc Liêu ghi nhận hài lòng rất cao về công tác chăm sóc điều dưỡng tại khoa (TB= 4,07) và ít hài lòng nhất về phong cách lãnh đạo của người quản lý khoa (TB=2,71) [8]. Kết quả nghiên cứu cao hơn nhiều nghiên cứu khác được thực hiện tại Trường Cao đẳng Y – Dược Asean với điểm trung bình hài lòng về môi trường học tập lâm sàng là 3,24 (± 0,29) và sinh viên hài lòng nhất về phong cách lãnh đạo quản lý tại khoa (4,11±0,5) [10], tại Slovakia với điểm trung bình hài lòng từ 2,93 đến 3,61 [6].

Nghiên cứu ghi nhận sự hài lòng về phong cách lãnh đạo của quản lý khoa khá cao nhưng vẫn thấp hơn các khía cạnh đánh giá khác của môi trường lâm sàng. Điều này cũng được ghi nhận bởi nghiên cứu trước đó là sinh viên ít hài lòng nhất về phong cách lãnh đạo của người quản lý khoa (TB=2,71) [8]. Điều này có thể được giải thích bởi tại Việt Nam, mô hình có sự tham gia giảng dạy của quản lý khoa cho sinh viên hiện nay chưa thật rộng rãi. Quản lý khoa lâm sàng quá bận rộn không đủ thời gian để theo dõi, hướng dẫn sinh viên. Điều này phù hợp với báo cáo rất ít sinh

viên đồng ý rằng “Điều dưỡng trưởng tham gia hướng dẫn lâm sàng cho sinh viên”. Tuy nhiên sinh viên rất hài lòng và đồng ý rằng điều dưỡng trưởng phân công nhân viên hướng dẫn sinh viên thực hành lâm sàng.

Trong nghiên cứu chúng tôi ghi nhận sinh viên rất hài lòng khi tại khoa lâm sàng có nhiều tình huống thực hành (TB=4,08) và có nhiều kỹ thuật cho sinh viên có thể thực tập (TB=3,92). Tuy nhiên, phần lớn sinh viên gặp các rào cản tâm lý khi thực tập tại khoa lâm sàng khi cảm thấy chưa thật sự thoải mái khi thực tập tại khoa (TB=3,57) đồng thời chưa cảm nhận không khí vui vẻ tại khoa phòng (TB= 3,65). Điều này không tương đồng với sinh viên điều dưỡng Cao đẳng Y tế Bạc Liêu khi đi thực tập tại các cơ sở khám chữa bệnh tại khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long. Sinh viên điều dưỡng khi thực tập tại đây cảm thấy nhân viên thân thiện, không khí khoa phòng vui vẻ, tuy nhiên tình huống thực tập không đa dạng và phong phú [8]. Điều này có thể giải thích bởi sinh viên điều dưỡng của NTTU thực tập tại các bệnh viện tại thành phố Hồ Chí Minh, với đặc trưng bệnh nặng và đông nên sẽ gây ra các rào cản về tâm lý của sinh viên, tuy nhiên sinh viên có cơ hội tiếp cận nhiều tình huống và kỹ thuật thực tập phong phú đa dạng.

Sinh viên điều dưỡng NTTU đang thực tập tại các bệnh viện lớn và có uy tín về chất lượng tại thành phố Hồ Chí Minh như Bệnh viện Chợ Rẫy, Quân Y 175, Bình Dân, Gia Định... Trong môi trường học tập lâm sàng tại các cơ sở y tế trên, sinh viên rất hài lòng về công tác chăm sóc tại khoa lâm sàng như điều dưỡng viên ít xảy ra sai sót khi chăm sóc người bệnh (TB=4,04), và luôn được chăm sóc tốt (TB=3,98). Điều này tương đồng với nghiên cứu của Hồ Thị Lan Vi rằng người bệnh được chăm sóc đầy đủ và chính xác (TB=3,92) [11]. Tuy nhiên nghiên cứu tại Bạc Liêu ghi nhận sinh viên nhận định tỷ lệ sai sót chuyên môn cao [8].

Nhìn chung, nghiên cứu chúng tôi ghi nhận sinh viên tương đối hài lòng về mối quan hệ với người hướng dẫn và giảng viên lâm sàng. Phần lớn sinh viên đồng tình và rất đồng tình rằng người hướng dẫn luôn đưa ra phản hồi cho sinh viên sau khi thực hiện xong kỹ thuật (TB= 3,9) và giảng viên lâm sàng có vai trò trong giảm lỗ hổng giữa lý thuyết và thực hành cho sinh viên khi thực tập tại khoa lâm sàng (TB=3,81). Tuy nhiên, sinh viên gặp rào cản trong việc giao tiếp và trao đổi với giảng viên lâm sàng. Nghiên cứu của Gian Nhân Trí Nghĩa cũng ghi nhận sinh viên được hướng dẫn, hỗ trợ tích cực trong quá trình học tập lâm sàng nhưng gặp khó khăn, rào cản trong thoải mái giao tiếp, trao đổi với người hướng dẫn và giảng viên lâm sàng [8]. Tuy nhiên trong nghiên cứu tại Đại học Duy Tân, sinh viên hài lòng mối quan hệ và giao tiếp tốt với người hướng dẫn và giảng viên lâm sàng, nhưng ít nhận được sự phản hồi về sau quá trình thực hành lâm sàng [11]. Một nghiên cứu khác tại Phần Lan cũng ghi nhận phần lớn sinh viên điều dưỡng có mối quan hệ tốt với giảng viên lâm sàng và người hướng dẫn [3].

4.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng về môi trường học tập lâm sàng của sinh viên

Kết quả nghiên cứu chúng tôi ghi nhận sinh viên thực tập ở các khoa Ngoại có điểm trung bình hài lòng về môi trường học tập lâm sàng cao hơn sinh viên đang thực tập tại các khoa Nội và Hồi sức cấp cứu tại các cơ sở y tế và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ($p=0,001$). Tuy nhiên các đặc điểm cá nhân của sinh viên như tuổi, giới tính, khóa học, hay kinh nghiệm thực tập lâm sàng trước đó không ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên về môi trường học tập lâm sàng. Kết quả tương đồng với nghiên cứu của Trần Thị Huyền, yếu tố về năm học không ảnh hưởng đến nhận thức và hài lòng về môi trường học tập lâm sàng của sinh viên điều dưỡng và thời gian thực tập lâm sàng không ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên về môi trường học tập lâm sàng [9]. Tuy nhiên nghiên cứu khác cho thấy giới tính, tuổi, năm học, địa điểm thực hành lâm sàng có ảnh hưởng đến mức độ hài lòng về môi trường học tập lâm sàng của sinh viên [6].

5. Kết luận

Kết quả nghiên cứu ghi nhận sinh viên Trường Đại học Nguyễn Tất Thành mức độ hài lòng về môi trường học tập lâm sàng cao ($3,78 \pm 0,77$) với thang đo từ 1 đến 5. Trong đó sinh viên hài lòng nhất về công tác chăm sóc điều dưỡng tại khoa lâm sàng ($3,95 \pm 0,71$) và hài lòng về mối

quan hệ với người hướng dẫn. Tuy nhiên sinh viên ít hài lòng hơn về phong cách lãnh đạo của quản lý khoa thấp hơn các khía cạnh khác về môi trường học tập lâm sàng ($3,65 \pm 0,99$).

Nhìn chung sinh viên tham gia nghiên cứu có mức hài lòng cao về công tác chăm sóc tại khoa lâm sàng cũng như hài lòng về sự hỗ trợ, đánh giá của người hướng dẫn và giảng viên lâm sàng. Tuy nhiên, sinh viên gặp các rào cản về giao tiếp và tâm lý trong quá trình thực hành tại khoa lâm sàng. Họ chưa thật sự cảm thấy thoải mái và giao tiếp tốt trong môi trường học tập lâm sàng tại bệnh viện. Nghiên cứu cũng ghi nhận đặc điểm của khoa phòng thực hành lâm sàng có tác động đến sự hài lòng của sinh viên tuy nhiên không bị tác động bởi các yếu tố giới tính, độ tuổi, năm học và kinh nghiệm thực hành trước đó.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] P. Cope, P. Cuthbertson, and B. Stoddart, "Situated learning in the practice placement," *Journal of Advanced Nursing*, vol. 31, no. 4, pp. 850-856, 2000.
- [2] C. Brungardt, J. Greenleaf, C. Brungardt *et al.*, "Arendsdorf J. Majoring in leadership: A review of undergraduate leadership degree programs," *Journal of Leadership Education*, vol. 5, no. 1, pp. 4-25, 2006.
- [3] D. Ozga, A. Gutysz-Wojnicka, B. Lewandowski *et al.*, "The clinical learning environment, supervision and nurse teacher scale (CLES+ T): psychometric properties measured in the context of postgraduate nursing education," *BMC nursing*, vol. 19, no. 1, pp. 1-10, 2020.
- [4] D. E. Lyckhage and S. Pennbrant, "Work-integrated learning: a didactic tool to develop praxis in nurse education," *Advances in Nursing Science*, vol. 37, no. 1, pp. 61-69, 2014.
- [5] B. Dale, A. Leland, and G. J. Dale, "What factors facilitate good learning experiences in clinical studies in nursing: bachelor students' perceptions," *ISRN Nursing*, vol. 16, no. 5, pp. 628-679, 2013.
- [6] E. Gurková, K. Žiaková, S. Cibířková *et al.*, "Factors influencing the effectiveness of clinical learning environment in nursing education," *Central European Journal of Nursing and Midwifery*, vol. 7, no. 3, pp. 470-475, 2016.
- [7] E. Papastavrou, M. Dimitriadou, H. Tsangari *et al.*, "Nursing students' satisfaction of the clinical learning environment: a research study," *BMC Nurs*, vol. 15, no. 1, pp. 1-10, 2016.
- [8] N. N. T. Giang, K. T. M. Giang, and L. Vu, "Nursing students' perceptions of clinical learning environment," *Ho Chi Minh Journal of Medicine*, vol. 23, no. 5, pp. 113-119, 2019.
- [9] H. T. Tran, "Challenges for nursing students in the clinical learning environment at Hong Bang International University in 2019," *Journal of Nursing Science*, vol. 3, no. 1, pp. 12-18, 2020.
- [10] V. T. Do and H. M. Tran, "The final -year nursing students' satisfaction with clinical learning environment at the ASEAN College of Medicine and Pharmacy in 2021 and related factors," *Journal of Nursing Science*, vol. 5, no. 2, pp. 35-38, 2022.
- [11] V. T. L. Ho, B. T. N. Duong, and T. T. Pham, "Survey of satisfaction with clinical learning environment of nursing students at Duy Tan University," *DTU Journal of Science and Technology*, vol. 4, no. 41, pp. 128-136, 2020.